

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 2

MÔN: TIẾNG ANH 12 FRIENDS GLOBAL

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. False	6. B	11. B	16. A	21. A	26. B	31. B	36. A
2. False	7. D	12. A	17. B	22. B	27. B	32. B	37. A
3. True	8. A	13. C	18. A	23. A	28. C	33. C	38. B
4. False	9. C	14. D	19. C	24. B	29. D	34. B	39. D
5. True	10. B	15. C	20. D	25. B	30. C	35. A	40. C

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Bài nghe 1

Paul: Hey Vivian, I've been thinking about the differences between British and American holidays. Have you ever noticed how some traditions are the same but others can be quite unusual?

Vivian: Absolutely, Paul. Both the British and the Americans usually kiss on the cheek when meeting close friends and relatives. However, in England, a simple handshake is quite common, but in the US, hugging is more the norm when people meet someone familiar.

Paul: Yeah. And I've heard that Americans might find it rude if you don't respond to a hug during holidays. It's definitely not the same in England.

Vivian: Right, talking about holidays, Halloween is popular in the two nations. Although lots of people think Halloween is an American festival, it originally came from Scotland, north of the UK and then spread to other places. The two nations have similar Halloween costumes, like scary Halloween parties watching horror films and “trick or treating”.

Paul: That sounds interesting. Let's talk about cuisine. British and American cuisines are quite interesting. While some dishes may be similar, there are some surprising differences. For example, Americans might find the idea of Christmas pudding a bit unusual, and the English would be surprised if they were invited to take part in the Thanksgiving.

Vivian: Good point. And speaking of behavior, do you think the sense of humor could be differently understood in the two nations?

Paul: Absolutely! Certain jokes are comments that are harmless, meaningless and funny in one nation could be taboo or even offensive. On the other hand, it's crucial to fully understand the cultural differences to ensure that what you say is acceptable.

Vivian: I couldn't agree more. Understanding cultural differences helps people enjoy the customs of a foreign country without offending the locals by accident. It's fascinating how seemingly similar celebrations can have such distinct differences.

Tam dịch

Paul: Đây Vivian, tớ đang nghĩ về sự khác biệt giữa các ngày lễ của người Anh và người Mỹ. Cậu đã bao giờ nhận thấy rằng có một số truyền thống giống nhau nhưng cũng có một số điều khác biệt khá lạ lùng chưa?

Vivian: Đúng vậy, Paul. Cả người Anh và người Mỹ đều thường hôn má khi gặp gỡ bạn bè và người thân thiết. Tuy nhiên, ở Anh, một cái bắt tay đơn giản khá phổ biến, nhưng ở Mỹ, ôm lại là điều bình thường khi gặp ai đó quen thuộc.

Paul: Đúng thế. Và tớ nghe nói rằng người Mỹ có thể thấy bất lịch sự nếu cậu không đáp lại cái ôm trong các dịp lễ. Điều này chắc chắn không giống nhau ở Anh.

Vivian: Phải, nói về các ngày lễ, Halloween phổ biến ở cả hai quốc gia. Mặc dù nhiều người nghĩ rằng Halloween là một lễ hội của Mỹ, nhưng thực ra nó bắt nguồn từ Scotland, phía bắc Vương quốc Anh và sau đó lan ra các nơi khác. Hai quốc gia có những trang phục Halloween giống nhau, như các bữa tiệc Halloween kinh dị, xem phim kinh dị và "trick or treating" (trò chơi đi xin kẹo hoặc bị ghẹo).

Paul: Nghe thú vị thật. Hãy nói về ẩm thực đi. Ẩm thực Anh và Mỹ khá thú vị. Mặc dù có một số món ăn có thể giống nhau, nhưng cũng có một số khác biệt bất ngờ. Ví dụ, người Mỹ có thể thấy ý tưởng về món pudding Giáng sinh hơi lạ, và người Anh sẽ ngạc nhiên nếu được mời tham gia lễ Tạ ơn.

Vivian: Ý hay đấy. Và khi nói về hành vi, cậu có nghĩ rằng khiếu hài hước có thể được hiểu khác nhau ở hai quốc gia không?

Paul: Hoàn toàn đúng! Một số trò đùa hoặc bình luận có vẻ vô hại, vô nghĩa và hài hước ở một quốc gia có thể bị coi là cấm kỵ hoặc thậm chí xúc phạm ở quốc gia khác. Rất quan trọng để hiểu rõ các khác biệt văn hóa để đảm bảo rằng những gì cậu nói là phù hợp.

Vivian: Tớ hoàn toàn đồng ý. Hiểu rõ các khác biệt văn hóa giúp mọi người có thể tận hưởng các phong tục của một quốc gia khác mà không vô tình xúc phạm người bản xứ. Thật thú vị khi những ngày lễ có vẻ giống nhau nhưng lại có những khác biệt đặc trưng đến vậy.

1. True

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Different from the British, Americans generally prefer hugging to shaking hands.

(*Khác với người Anh, người Mỹ thường thích ôm hơn là bắt tay.*)

Thông tin: in England, a simple handshake is quite common, but in the US, hugging is more the norm when people meet someone familiar... Americans might find it rude if you don't respond to a hug during holidays.

(*Ở Anh, một cái bắt tay đơn giản khá phổ biến, nhưng ở Mỹ, việc ôm lại trở thành tiêu chuẩn khi mọi người gặp ai đó quen thuộc... Người Mỹ có thể thấy thật thô lỗ nếu bạn không đáp lại một cái ôm trong những ngày nghỉ.*)

Chọn True

2. False

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Halloween originally came from the US.

(Halloween có nguồn gốc từ Mỹ.)

Thông tin: Although lots of people think Halloween is an American festival, it originally came from Scotland, north of the UK, and then spread to other places.

(Mặc dù nhiều người nghĩ Halloween là một lễ hội của Mỹ nhưng nó ban đầu đến từ Scotland, phía bắc Vương quốc Anh, sau đó lan sang những nơi khác.)

Chọn False

3. True

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Eating a Christmas pudding is quite unusual in the US.

(Ăn bánh pudding Giáng sinh là điều khá bất thường ở Mỹ.)

Thông tin: Americans might find the idea of Christmas pudding a bit unusual,

(Người Mỹ có thể thấy ý tưởng về bánh pudding Giáng sinh hơi khác thường.)

Chọn True

4. False

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Jokes are correctly understood in both the US and the UK.

(Truyện cười được hiểu một cách chính xác ở cả Mỹ và Anh.)

Thông tin: Certain jokes or comments that are harmless, meaningless, and funny in one nation could be taboo or even offensive in the other.

(Một số câu chuyện cười hoặc nhận xét vô hại, vô nghĩa và hài hước ở một quốc gia có thể là điều cấm kỵ hoặc thậm chí gây khó chịu ở quốc gia khác.)

Chọn False

5. True

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Similar celebrations in both countries are quite different.

(Lễ kỷ niệm tương tự ở cả hai nước là khá khác nhau.)

Thông tin: It's fascinating how seemingly similar celebrations can have such distinct differences,

(Thật thú vị khi những lễ kỷ niệm tưởng chừng như giống nhau lại có thể có những khác biệt rõ rệt như vậy.)

Chọn True

Bài nghe 2

The air quality in the two largest cities, Hanoi and Ho Chi Minh City, has been at an alarming level recently. In early 2022, air quality index levels were recorded at 169 in the capital and 178 in Ho Chi Minh City. At this pollution level, health is affected. Medical researchers have shown that people who are exposed to polluted air are at risk of diseases such as asthma, respiratory disorders, heart diseases, diabetes and lung cancer. The serious pollution in urban areas is caused by transportation activities, construction sites, people's activities in daily life, industrial factories and solid waste treatment. Of the sources of emissions, emissions from various kinds of vehicles contribute the most to air pollutant emissions, with 85% of the amounts of carbon dioxide in the air. Vietnam currently has 1.9 million cars and 40 million motorbikes. So far, the authorities have introduced some steps to reduce air pollution. The government has banned the use of outdated machinery and equipment that are more than 10 years old in factories. In 2020, Vietnam planned a special carbon tax on the factories in industrial parks. They are also working on regulations to install emission treatment systems and industrial parks by 2025. A possible motorbike ban in Hanoi is still being discussed because of the lack of reliable public transport. The ban would have long term effects on the citizens, so lots of them disagree with the motorbike ban. Hopefully the air quality will improve in the near future.

Tạm dịch

Chất lượng không khí tại hai thành phố lớn nhất là Hà Nội và TP.HCM thời gian gần đây đang ở mức báo động. Đầu năm 2022, chỉ số chất lượng không khí được ghi nhận ở mức 169 ở thủ đô và 178 ở TP.HCM. Ở mức độ ô nhiễm này, sức khỏe bị ảnh hưởng. Các nhà nghiên cứu y học đã chỉ ra rằng những người tiếp xúc với không khí ô nhiễm có nguy cơ mắc các bệnh như hen suyễn, rối loạn hô hấp, bệnh tim, tiểu đường và ung thư phổi. Ô nhiễm nghiêm trọng ở các đô thị là do hoạt động giao thông, công trường xây dựng, sinh hoạt của người dân, các nhà máy công nghiệp và xử lý chất thải rắn. Trong số các nguồn phát thải, khí thải từ các loại phương tiện giao thông đóng góp nhiều nhất vào lượng khí thải gây ô nhiễm không khí, với 85% lượng carbon dioxide trong không khí. Việt Nam hiện có 1,9 triệu ô tô và 40 triệu xe máy. Cho đến nay, chính quyền đã đưa ra một số bước để giảm ô nhiễm không khí. Chính phủ đã cấm sử dụng máy móc, thiết bị lạc hậu trên 10 năm tuổi trong các nhà máy. Năm 2020, Việt Nam dự kiến áp thuế carbon đặc biệt đối với các nhà máy trong khu công nghiệp. Họ cũng đang nghiên cứu các quy định để lắp đặt hệ thống xử lý khí thải và các khu công nghiệp vào năm 2025. Lệnh cấm xe máy có thể xảy ra ở Hà Nội vẫn đang được thảo luận vì thiếu phương tiện giao thông công cộng đáng tin cậy. Lệnh cấm sẽ có ảnh hưởng lâu dài đến người dân nên nhiều người không đồng tình với lệnh cấm xe máy. Hy vọng chất lượng không khí sẽ được cải thiện trong thời gian tới.

6. B

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Mức chỉ số chất lượng không khí ở Hà Nội là _____ vào đầu năm 2022.

A. 122

- B. 169
- C. 178
- D. 85

Thông tin: In early 2022, air quality index levels were recorded at 169 in the capital and 178 in Ho Chi Minh City.

(Đầu năm 2022, chỉ số chất lượng không khí được ghi nhận ở mức 169 ở thủ đô và 178 ở TP.HCM.)

Chọn B

7. D

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Ô nhiễm không khí _____.

- A. có thể ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày của con người
- B. có thể có tác động nghiêm trọng đến các nhà máy
- C. có thể tạo ra chất thải rắn
- D. có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe

Thông tin: Medical researchers have shown that people who are exposed to polluted air are at risk of diseases such as asthma, respiratory disorders, heart diseases, diabetes, and lung cancer.

(Các nhà nghiên cứu y học đã chỉ ra rằng những người tiếp xúc với không khí ô nhiễm có nguy cơ mắc các bệnh như hen suyễn, rối loạn hô hấp, bệnh tim, tiểu đường và ung thư phổi.)

Chọn D

8. A

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Theo buổi nói chuyện, nguyên nhân chính gây ô nhiễm không khí ở khu vực thành thị là _____.

- A. giao thông vận tải
- B. công trường xây dựng
- C. nhà máy công nghiệp
- D. xử lý chất thải rắn

Thông tin: Of the sources of emissions, emissions from various kinds of vehicles contribute the most to air pollutant emissions, with 85% of the amounts of carbon dioxide in the air.

(Trong số các nguồn khí thải, khí thải từ các loại phương tiện giao thông đóng góp nhiều nhất vào lượng khí thải gây ô nhiễm không khí, với 85% lượng carbon dioxide trong không khí.)

Chọn A

9. C

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Một trong những giải pháp của chính phủ đã được thực hiện là _____.

- A. cấm xe máy và ô tô
- B. áp dụng thuế carbon trên toàn quốc
- C. cấm máy móc lạc hậu
- D. lắp đặt hệ thống xử lý khí thải trong khu công nghiệp

Thông tin: The government has banned the use of outdated machinery and equipment that are more than 10 years old in factories.

(Chính phủ đã cấm sử dụng máy móc, thiết bị lạc hậu trên 10 năm tuổi trong các nhà máy.)

Chọn C

10. B

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích:

Người dân Hà Nội không đồng tình với lệnh cấm xe máy vì _____.

- A. họ không thể đi lại trong thành phố
- B. phương tiện giao thông công cộng không đáng tin cậy
- C. xe máy phổ biến ở Việt Nam
- D. nhân viên phải đi lại bằng xe máy

Thông tin: A possible motorbike ban in Hanoi is still being discussed because of the lack of reliable public transport.

(Lệnh cấm xe máy có thể xảy ra ở Hà Nội vẫn đang được thảo luận vì thiếu phương tiện giao thông công cộng đáng tin cậy.)

Chọn B

11. B

Kiến thức: Dạng động từ

Giải thích:

Rút gọn động từ đầu câu có cùng chủ ngữ "Hue" với động từ "locate" (nằm ở) ở thể bị động => động từ có dạng V3/ed.

Located in central Việt Nam, Hue is one of Việt Nam's most beautiful cities.

(Nằm ở miền Trung Việt Nam, Huế là một trong những thành phố đẹp nhất Việt Nam.)

Chọn B

12. A

Kiến thức: Mạo từ

Giải thích:

Trước danh từ "site" (nơi) là đối tượng xác định đã được nhắc đến lần thứ hai trong bài nên dùng mạo từ "the".

The entire site will take about a day to see.

(Toàn bộ vị trí sẽ mất khoảng một ngày để xem.)

Chọn A

13. C

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

A. must: phải

B. should: nên

C. may: có lẽ

D. need: cần

Nearby the citadel are the Royal Tombs which tourists **may** enjoy as well.

(Gần thành cổ là Lăng mộ Hoàng gia mà khách du lịch có thể chiêm ngưỡng.)

Chọn C

14. D

Kiến thức: Dạng động từ

Giải thích:

Theo sau “worth” (*xứng đáng*) cần một động từ ở dạng V-ing.

Another historical place worth **visiting** is the Forbidden Purple City.

(Một địa điểm lịch sử khác đáng ghé thăm là Tử Cấm Thành.)

Chọn D

15. C

Kiến thức: So sánh nhất của tính từ

Giải thích:

A. as: như

B. more: hơn

C. most: nhất

D. much: nhiều

One of Việt Nam's **most** famous pagodas, it is located next to the Perfume River.

(Một trong những ngôi chùa nổi tiếng nhất của Việt Nam, nằm cạnh sông Hương.)

Chọn C

16. A

Kiến thức: Liên từ

Giải thích:

A. so: vì vậy

B. yet: nhưng

C. and: và

D. or: hoặc

It is a favorite place for visitors, **so** it does get a bit overcrowded with people.

(Đây là nơi ưa thích của du khách nên có thể hơi đông đúc.)

Chọn A

Bài hoàn chỉnh

(11) **Located** in central Việt Nam, Hue is one of Việt Nam's most beautiful cities. A trip to Huế should definitely include a visit to the Citadel (Kinh Thành). It is one of Hue's top attractions. The Citadel was built 200 years ago and is quite large. (12) **The** entire site will take about a day to see. It was originally designed to protect the Vietnamese royal family and has a deep moat and 10 gateways of thick stone. Nearby the citadel are the Royal Tombs which tourists (13) **may** enjoy as well.

Another historical place worth (14) **visiting** is the Forbidden Purple City. This was a private space for the royal family and their servants. Make sure to see the Emperor's Reading Room. It has beautiful walls and roofs which are still well-preserved.

You should also visit the Royal Theatre. Every day it offers cultural dances and plays for tourists. The trip to Hue is not complete without a visit to the Thiên Mụ Pagoda. One of Việt Nam's (15) **most** famous pagodas, it is located next to the Perfume River. It has a 21-metre-tall tower constructed in 1844. It is a favorite place for visitors, (16) **so** it does get a bit overcrowded with people.

Tam dịch

(11) Nằm ở miền Trung Việt Nam, Huế là một trong những thành phố đẹp nhất Việt Nam. Một chuyến đi đến Huế chắc chắn phải có chuyến tham quan Kinh thành. Đây là một trong những điểm thu hút hàng đầu của Huế. Thành cổ được xây dựng cách đây 200 năm và khá rộng lớn. (12) Sẽ mất khoảng một ngày để xem toàn bộ vị trí. Ban đầu nó được thiết kế để bảo vệ hoàng gia Việt Nam và có hào sâu và 10 cổng bằng đá dày. Gần thành cổ là Lăng mộ Hoàng gia mà khách du lịch (13) cũng có thể tận hưởng.

Một địa điểm lịch sử đáng (14) ghé thăm là Tử Cấm Thành. Đây là không gian riêng tư dành cho gia đình hoàng gia và người hầu của họ. Hãy chắc chắn xem Phòng đọc của Hoàng đế. Nó có những bức tường và mái nhà đẹp vẫn được bảo tồn tốt.

Bạn cũng nên ghé thăm Nhà hát Hoàng gia. Hàng ngày nơi đây tổ chức các điệu múa và vở kịch văn hóa cho khách du lịch. Chuyến đi đến Huế sẽ không trọn vẹn nếu không ghé thăm chùa Thiên Mụ. Một trong (15) ngôi chùa nổi tiếng nhất của Việt Nam, nằm cạnh sông Hương. Nó có một tòa tháp cao 21 mét được xây dựng vào năm 1844. Đây là một nơi yêu thích của du khách, (16) vì vậy nó hơi đông đúc.

17. B

Kiến thức: Hoàn thành câu

Giải thích:

A. we can't do anything about it

(chúng ta không thể làm gì được)

B. we need to do something about it

(chúng ta cần phải làm gì đó)

C. it's impossible to do anything about it

(không thể làm gì được)

D. it will be better if we do nothing

(sẽ tốt hơn nếu chúng ta không làm gì)

It's great when all that doesn't happen, but when it does, **we need to do something about it.**

(Thật tuyệt khi tất cả những điều đó không xảy ra, nhưng khi nó xảy ra, chúng ta cần phải làm gì đó để giải quyết nó.)

Chọn B

18. A

Kiến thức: Hoàn thành câu

Giải thích:

A. It helps us sleep at night without waking up and thinking about our problems

(Nó giúp chúng ta ngủ ngon vào ban đêm mà không cần thức dậy và suy nghĩ về vấn đề của mình.)

B. But it makes us wake up at night and keep thinking about the problems

(Nhưng nó khiến chúng ta thức giấc vào ban đêm và không ngừng suy nghĩ về các vấn đề)

C. So waking up at night and thinking about our problems can't avoid

(Vì thế việc thức dậy vào ban đêm và suy nghĩ về vấn đề của mình là điều không thể tránh khỏi)

D. Although we can sleep sleep at night without waking up and thinking about our problems

(Mặc dù chúng ta có thể ngủ ngon vào ban đêm mà không cần thức dậy và suy nghĩ về vấn đề của mình)

It reduces our stress levels by stopping us from getting worried too much. **It helps us sleep at night without waking up and thinking about our problems.**

(Nó làm giảm mức độ căng thẳng của chúng ta bằng cách ngăn chúng ta khỏi lo lắng quá nhiều. Nó giúp chúng ta ngủ vào ban đêm mà không cần thức dậy và suy nghĩ về những vấn đề của mình.)

Chọn A

19. C

Kiến thức: Hoàn thành câu

Giải thích:

A. We don't need to say exactly what we did wrong

(Chúng ta không cần phải nói chính xác mình đã làm gì sai)

B. Admitting that we did wrong is unacceptable

(Thừa nhận mình đã làm sai là điều không thể chấp nhận được)

C. It's important that we say exactly what we did wrong

(Điều quan trọng là chúng ta phải nói chính xác những gì chúng ta đã làm sai)

D. We can blame the mistakes on the others

(Chúng ta có thể đổ lỗi cho người khác)

In most cases, saying sorry makes a bad situation better. **It's important that we say exactly what we did wrong.** By doing this, the listeners understand that we know what hurts them but want to put things right, and it repairs relationships.

(Trong hầu hết các trường hợp, việc nói lời xin lỗi sẽ khiến tình huống xấu trở nên tốt hơn. Điều quan trọng là chúng ta phải nói chính xác những gì chúng ta đã làm sai. Bằng cách này, người nghe hiểu rằng chúng tôi biết điều gì khiến họ tổn thương nhưng muốn giải quyết mọi việc một cách đúng đắn và điều đó sẽ hàn gắn các mối quan hệ.)

Chọn C

20. D

Kiến thức: Hoàn thành câu

Giải thích:

A. so we can't always do that

(vậy nên không phải lúc nào chúng ta cũng có thể làm điều đó)

B. yet it's the best way

(nhưng đó là cách tốt nhất)

C. which we should stop saying to much

(mà chúng ta nên ngừng nói nhiều)

D. but it is a step in the right direction

(nhưng đó là một bước đi đúng hướng)

Saying sorry might not make everything right, **but it is a step in the right direction.**

(Nói lời xin lỗi có thể không khiến mọi chuyện ổn thỏa nhưng đó là một bước đi đúng hướng.)

Chọn D

21. A

Kiến thức: Hoàn thành câu

Giải thích:

A. Unlike arguing all the time or not talking to your friends when they upset you

(Không giống như lúc nào cũng tranh cãi hoặc không nói chuyện với bạn bè khi họ làm bạn khó chịu)

B. It's similar to arguing all the time or not talking to your friends as they upset you

(Nó tương tự như việc lúc nào cũng tranh cãi hoặc không nói chuyện với bạn bè khi họ làm bạn khó chịu)

C. Despite arguing all the time, we should talk to our friends whenever they upset you

(Dù lúc nào cũng tranh cãi nhưng chúng ta nên nói chuyện với bạn bè mỗi khi họ làm bạn khó chịu)

D. Upset with your friends, you keep arguing all the time or not talking to them

(Khó chịu với bạn bè, bạn cứ cãi nhau hoài hoặc không nói chuyện với họ)

Unlike arguing all the time or not talking to your friends when they upset you, saying sorry is truly a great habit to have.

(Không giống như lúc nào cũng tranh cãi hoặc không nói chuyện với bạn bè khi họ làm bạn khó chịu, nói xin lỗi thực sự là một thói quen tuyệt vời cần có.)

Chọn A

Bài hoàn chỉnh

We all argue with our friends and family. Sometimes we say bad things loudly or do things that can hurt the others' feelings. It's great when all that doesn't happen, but when it does, (17) **we need to do something about it**. It's a very simple something, but it can also feel like the most difficult thing in the world. That something is the act of saying sorry (and it's something the English do a lot – about eight times a day!).

Experts report that saying sorry is good for our relationships and our mental health. It reduces our stress levels by stopping us from getting worried too much. (18) **It helps us sleep at night without waking up and thinking about our problems**.

In most cases, saying sorry makes a bad situation better. (19) **It's important that we say exactly what we did wrong**. By doing this, the listeners understand that we know what hurts them but want to put things right, and it repairs relationships. Sometimes we make ourselves say sorry although deep inside us, we feel otherwise. This often doesn't work well because it's not an honest 'sorry'.

Saying sorry might not make everything right, (20) **but it is a step in the right direction**. The other person may not accept what we have to say (and that's okay, too), but that shouldn't stop us from doing it. It can be difficult, but if we say sorry often, and mean it, then it becomes a habit. (21) **Unlike arguing all the time or not talking to your friends when they upset you**, saying sorry is truly a great habit to have.

Tam dịch

Chúng ta đều tranh cãi với bạn bè và gia đình. Đôi khi chúng ta nói những lời không hay một cách lớn tiếng hoặc làm những việc có thể làm tổn thương cảm xúc của người khác. Thật tuyệt khi điều đó không xảy ra, nhưng khi nó xảy ra, chúng ta cần phải làm gì đó. Đó là một điều rất đơn giản, nhưng cũng có thể là điều khó khăn nhất trên thế giới. Đó chính là hành động nói lời xin lỗi (và đây là điều mà người Anh làm rất nhiều – khoảng tám lần một ngày!).

Các chuyên gia cho rằng nói lời xin lỗi có lợi cho các mối quan hệ và sức khỏe tinh thần của chúng ta. Nó làm giảm mức độ căng thẳng của chúng ta bằng cách ngăn chúng ta lo lắng quá nhiều. Nó giúp chúng ta ngủ vào ban đêm mà không phải thức dậy và nghĩ về những vấn đề của mình.

Trong hầu hết các trường hợp, nói lời xin lỗi sẽ cải thiện một tình huống xấu. Điều quan trọng là chúng ta phải nói rõ chính xác mình đã làm sai điều gì. Bằng cách làm như vậy, người nghe sẽ hiểu rằng chúng ta biết điều gì đã làm họ tổn thương và muốn sửa sai, và điều đó giúp hàn gắn các mối quan hệ. Đôi khi chúng ta buộc mình phải nói xin lỗi mặc dù sâu thẳm trong lòng, chúng ta không nghĩ vậy. Điều này thường không hiệu quả vì đó không phải là một lời xin lỗi chân thành.

Nói xin lỗi có thể không làm cho mọi thứ trở nên hoàn hảo, nhưng đó là một bước đi đúng hướng. Người khác có thể không chấp nhận những gì chúng ta nói (và điều đó cũng ổn), nhưng điều đó không nên ngăn cản chúng ta làm điều đó. Nó có thể khó khăn, nhưng nếu chúng ta thường xuyên nói xin lỗi và thật lòng, thì nó sẽ trở

thành một thói quen. Không giống như việc tranh cãi liên tục hay không nói chuyện với bạn bè khi họ làm bạn buồn, nói lời xin lỗi thực sự là một thói quen tốt.

22. B

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Có bao nhiêu đàn ông Trung Quốc bắt đầu hút thuốc trước tuổi 20?

- A. một phần ba
- B. hai phần ba
- C. một nửa
- D. tất cả họ

Thông tin: The research, published in The Lancet medical journal, says two-thirds of men in China now start to smoke before 20.

(Nghiên cứu được công bố trên tạp chí y khoa The Lancet cho biết 2/3 nam giới ở Trung Quốc hiện bắt đầu hút thuốc trước 20 tuổi.)

Chọn B

23. A

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Từ “those men” ở đoạn 2 ám chỉ điều gì?

- A. Đàn ông hút thuốc dưới 20 tuổi
- B. Đàn ông hút thuốc trên 20 tuổi
- C. Đàn ông bỏ thuốc lá
- D. Đàn ông hút thuốc ở nơi công cộng

Thông tin: The research, published in The Lancet medical journal, says two-thirds of men in China now start to smoke before 20. Around half of **those men** will die from the habit,

(Nghiên cứu được công bố trên tạp chí y khoa The Lancet cho biết 2/3 nam giới ở Trung Quốc hiện bắt đầu hút thuốc trước tuổi 20. Khoảng một nửa số đàn ông đó sẽ chết vì thói quen này.)

Chọn A

24. B

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Đến năm 2030, mỗi năm có bao nhiêu đàn ông Trung Quốc có thể chết vì hút thuốc?

- A. một triệu
- B. hai triệu
- C. ba triệu
- D. bốn triệu

Thông tin: But researchers say that if current trends continue, that will double to two million people - mostly men - dying every year by 2030

(Nhưng các nhà nghiên cứu nói rằng nếu xu hướng hiện tại tiếp tục, con số đó sẽ tăng gấp đôi lên 2 triệu người - chủ yếu là nam giới - tử vong hàng năm vào năm 2030.)

Chọn B

25. B

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Ở nhiều vùng của Trung Quốc, đàn ông thường hút thuốc khi nào?

- A. Trước bữa ăn
- B. Sau bữa ăn
- C. Trước khi đi ngủ
- D. Khi họ thức dậy

Thông tin: In many parts of China, meals often fit a comfortable pattern. After putting down their chopsticks, men commonly push their chairs back from the table and light cigarettes.

(Ở nhiều nơi ở Trung Quốc, bữa ăn thường được tổ chức theo kiểu thoải mái. Sau khi đặt đũa xuống, đàn ông thường đẩy ghế ra khỏi bàn và châm thuốc.)

Chọn B

26. B

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Theo WHO, chỉ _____ người trưởng thành ở Trung Quốc có thể liệt kê được những tác hại của việc hút thuốc.

- A. một phần ba
- B. một phần tư
- C. một phần năm
- D. một nửa

Thông tin: According to the World Health Organization (WHO), only 25% of Chinese adults can list the specific health hazards of smoking, from lung cancer to heart disease.

(Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), chỉ 25% người trưởng thành ở Trung Quốc có thể liệt kê các mối nguy hiểm cụ thể của việc hút thuốc, từ ung thư phổi đến bệnh tim.)

Chọn B

27. B

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

"Beijing" dùng để chỉ _____.

- A. Trung Quốc
- B. Thành phố Bắc Kinh
- C. Chính phủ Trung Quốc
- D. Người dân sống ở Bắc Kinh

Thông tin: Authorities have shown concern over the rise, with **Beijing** even introducing a public smoking ban.

(Các nhà chức trách đã bày tỏ lo ngại về sự gia tăng này, thậm chí Bắc Kinh còn đưa ra lệnh cấm hút thuốc nơi công cộng.)

Chọn B

28. C

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Thái độ của Richard Peto đối với việc hút thuốc ở Trung Quốc là gì?

- A. Anh ấy không tin rằng mọi người sẽ bỏ thuốc lá
- B. Anh ấy thất vọng với chính phủ Trung Quốc.
- C. Anh ấy nghĩ rằng mọi người có thể ngừng hút thuốc nếu họ thấy có lý do.
- D. Anh ấy chắc chắn về sự gia tăng số ca tử vong trong tương lai ở Trung Quốc.

Thông tin: But co-author Richard Peto said there was hope - if people can be persuaded to quit.

(Nhưng đồng tác giả Richard Peto cho biết vẫn còn hy vọng - nếu mọi người có thể được thuyết phục từ bỏ.)

Chọn C

29. D

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Từ "hamper" (cản trở) có nghĩa gần nhất với từ nào sau đây?

- A. bỏ vào giỏ
- B. hỗ trợ
- C. cấm
- D. hạn chế

Thông tin: But efforts have been **hampered** by the habit's popularity,

(Nhưng những nỗ lực đã bị cản trở bởi sự phổ biến của thói quen này.)

Chọn D

30. C

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Mục đích của người viết là gì?

- A. Tranh luận về chính sách hút thuốc ở Trung Quốc

- B. Ủng hộ việc hút thuốc ở Trung Quốc
- C. Cảnh báo và ngăn chặn việc hút thuốc ở Trung Quốc
- D. Báo cáo kết quả của một bài nghiên cứu

Thông tin: A new study, conducted by scientists from Oxford University, the Chinese Academy of Medical Sciences and the Chinese Center for Disease Control, has warned that a third of all men currently under the age of 20 in China will eventually die prematurely if they do not give up smoking.

(Một nghiên cứu mới do các nhà khoa học từ Đại học Oxford, Viện Hàn lâm Khoa học Y tế Trung Quốc và Trung tâm Kiểm soát Dịch bệnh Trung Quốc thực hiện đã cảnh báo rằng 1/3 nam giới hiện dưới 20 tuổi ở Trung Quốc cuối cùng sẽ chết sớm nếu họ không bỏ hút thuốc.)

Chọn C

31. B

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích:

Tác giả muốn nói gì về chính phủ Trung Quốc?

- A. Họ không muốn ngăn cản mọi người hút thuốc.
- B. Họ đã cố gắng ngăn chặn mọi người hút thuốc ở nơi công cộng nhưng không mấy thành công.
- C. Họ đã cố gắng đóng cửa các công ty thuốc lá.
- D. Họ không quan tâm đến việc hút thuốc.

Thông tin: Authorities have shown concern over the rise, with Beijing even introducing a public smoking ban. But efforts have been hampered by the habit's popularity,

(Các nhà chức trách đã bày tỏ lo ngại về sự gia tăng này, thậm chí Bắc Kinh còn đưa ra lệnh cấm hút thuốc nơi công cộng. Nhưng những nỗ lực đã bị cản trở bởi sự phổ biến của thói quen này.)

Chọn B

Tam dịch

Một nghiên cứu mới do các nhà khoa học từ Đại học Oxford, Viện Hàn lâm Khoa học Y tế Trung Quốc và Trung tâm Kiểm soát Dịch bệnh Trung Quốc thực hiện đã cảnh báo rằng 1/3 nam giới hiện dưới 20 tuổi ở Trung Quốc cuối cùng sẽ chết sớm nếu họ không đưa ra quyết định từ bỏ hút thuốc.

Nghiên cứu được công bố trên tạp chí y khoa The Lancet cho biết 2/3 nam giới ở Trung Quốc hiện nay bắt đầu hút thuốc trước 20 tuổi. Khoảng một nửa trong số đó sẽ chết vì thói quen này.

Năm 2010, khoảng một triệu người ở Trung Quốc chết vì hút thuốc lá. Nhưng các nhà nghiên cứu nói rằng nếu xu hướng hiện tại tiếp tục, con số đó sẽ tăng gấp đôi lên 2 triệu người - chủ yếu là nam giới - tử vong hàng năm vào năm 2030, khiến nó trở thành một "đại dịch chết sớm ngày càng gia tăng".

Nhưng đồng tác giả Richard Peto cho biết vẫn còn hy vọng - nếu mọi người có thể được thuyết phục từ bỏ. Ông nói: "Chìa khóa để tránh làn sóng tử vong khổng lồ này là sự chấm dứt và nếu bạn là một thanh niên, đừng bắt đầu".

Ở nhiều nơi ở Trung Quốc, bữa ăn thường được tổ chức theo kiểu thoải mái. Sau khi đặt đĩa xuống, đàn ông thường đẩy ghế ra khỏi bàn và châm thuốc. Không có gì ngạc nhiên khi Trung Quốc gặp khó khăn trong việc áp đặt lệnh cấm hút thuốc ở nơi công cộng. Ở đây, những mối quan hệ thường được xây dựng giữa khói thuốc. Những nhãn hiệu thuốc lá đắt tiền, thường được trang trí bằng các chi tiết vàng trên vỏ hộp, được dùng làm quà tặng. Và các nhãn hiệu thông thường có giá cả phải chăng cho tất cả mọi người trừ những người rất nghèo, giá chỉ 2,5 nhân dân tệ (0,4 đô la; 0,25 bảng Anh) một gói.

Ở một đất nước mà việc hút thuốc đã ăn sâu vào cuộc sống hàng ngày, ít ai hiểu được tác hại của việc sử dụng thuốc lá. Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), chỉ 25% người trưởng thành ở Trung Quốc có thể liệt kê các mối nguy hiểm cụ thể của việc hút thuốc, từ ung thư phổi đến bệnh tim.

Có lẽ không có gì ngạc nhiên khi chỉ có 10% người Trung Quốc hút thuốc lá tự nguyện bỏ thuốc. Thay vào đó, hầu hết buộc phải bỏ thuốc lá vì quá mệt để tiếp tục.

Trong khi tỷ lệ hút thuốc đã giảm ở các nước phát triển xuống dưới 1/5 ở Mỹ thì tỷ lệ này lại tăng ở Trung Quốc do thuốc lá trở nên phổ biến hơn và người tiêu dùng ngày càng giàu hơn.

Các nhà chức trách đã bày tỏ lo ngại về sự gia tăng này, thậm chí Bắc Kinh còn đưa ra lệnh cấm hút thuốc nơi công cộng. Nhưng những nỗ lực đã bị cản trở bởi sự phổ biến của thói quen này và tính hữu dụng của nó như một nguồn thuế - chính phủ thu khoảng 428 tỷ nhân dân tệ (44 tỷ bảng Anh, 67 tỷ USD) tiền thuế thuốc lá mỗi năm.

Theo Tổ chức Y tế Thế giới, trên toàn cầu, thuốc lá giết chết tới một nửa số người sử dụng.

32. B

Kiến thức: Sắp xếp trật tự đoạn văn

Giải thích:

*Nghĩa của các câu

a. Or you can go swimming in one of the hotel's beautiful pools and watch the monkeys and birds in the trees above you.

(Hoặc bạn có thể đi bơi ở một trong những hồ bơi tuyệt đẹp của khách sạn và ngắm nhìn những chú khỉ và chim trên cây phía trên bạn.)

b. There are two excellent restaurants and after dinner you can go for a drink in one of four treetop bars.

(Có hai nhà hàng tuyệt vời và sau bữa tối, bạn có thể đi uống nước tại một trong bốn quán bar trên ngọn cây.)

c. Arian Amazon Towers is one of the most incredible hotels I've ever stayed in.

(Arian Amazon Towers là một trong những khách sạn tuyệt vời nhất mà tôi từng ở.)

d. What makes it so special is that most of the hotel is up in the trees- 30 meters above the ground!

(Điều khiến nó trở nên đặc biệt là hầu hết khách sạn đều nằm trên cây - cách mặt đất 30 mét!)

e. It's in the middle of the Amazon rainforest in Brazil, about 60 kilometres from Manaus, the nearest city.

(Nó nằm giữa rừng nhiệt đới Amazon ở Brazil, cách Manaus, thành phố gần nhất khoảng 60 km.)

Bài hoàn chỉnh

(c) Arian Amazon Towers is one of the most incredible hotels I've ever stayed in. (e) It's in the middle of the Amazon rainforest in Brazil, about 60 kilometres from Manaus, the nearest city. (d) What makes it so special is that most of the hotel is up in the trees- 30 meters above the ground! (b) There are two excellent restaurants and after dinner you can go for a drink in one of four treetop bars. (a) Or you can go swimming in one of the hotel's beautiful pools and watch the monkeys and birds in the trees above you.

Tam dịch

(c) Arian Amazon Towers là một trong những khách sạn tuyệt vời nhất mà tôi từng ở. (e) Nó nằm giữa rừng nhiệt đới Amazon ở Brazil, cách Manaus, thành phố gần nhất khoảng 60 km. (d) Điều khiến nó trở nên đặc biệt là hầu hết khách sạn đều nằm trên cây - cách mặt đất 30 mét! (b) Có hai nhà hàng tuyệt vời và sau bữa tối bạn có thể đi uống nước ở một trong bốn quán bar trên ngọn cây. (a) Hoặc bạn có thể đi bơi ở một trong những hồ bơi đẹp của khách sạn và ngắm nhìn những chú khỉ và chim trên cây phía trên bạn.

Chọn B

33. C

Kiến thức: Sắp xếp trật tự đoạn văn

Giải thích:

*Nghĩa của các câu

a. With so much to think about, it's not surprising many people prefer going on holiday in their own countries – or you might decide to stay at home!

(Với rất nhiều điều phải suy nghĩ, không có gì đáng ngạc nhiên khi nhiều người thích đi nghỉ ở đất nước của họ hơn - hoặc bạn có thể quyết định ở nhà!)

b. If so, don't forget to take off your shoes.

(Nếu vậy, đừng quên cởi giày ra.)

c. And if you visit an Arab family's home, remember that it's polite to drink three cups of coffee.

(Và nếu bạn đến thăm nhà một gia đình Ả Rập, hãy nhớ rằng uống ba tách cà phê là một điều lịch sự.)

d. Also try not to admire anything valuable because your Arab host will feel he should give it to you as a present.

(Ngoài ra, hãy cố gắng đừng ngưỡng mộ bất cứ thứ gì có giá trị vì người chủ nhà Ả Rập của bạn sẽ cảm thấy rằng họ nên tặng nó cho bạn như một món quà.)

e. If you're travelling in Asia, someone might invite you to visit them at home.

(Nếu bạn đang đi du lịch ở Châu Á, ai đó có thể mời bạn đến thăm họ tại nhà.)

Bài hoàn chỉnh

(a) With so much to think about, it's not surprising many people prefer going on holiday in their own countries – or you might decide to stay at home! (e) If you're travelling in Asia, someone might invite you to visit them at home. (b) If so, don't forget to take off your shoes. (d) Also try not to admire anything valuable because your Arab host will feel he should give it to you as a present. (c) And if you visit an Arab family's home, remember that it's polite to drink three cups of coffee.

Tam dich

(a) Với rất nhiều điều phải suy nghĩ, không có gì đáng ngạc nhiên khi nhiều người thích đi nghỉ ở đất nước của họ hơn – hoặc bạn có thể quyết định ở nhà! (e) Nếu bạn đang đi du lịch ở Châu Á, ai đó có thể mời bạn đến thăm họ tại nhà. (b) Nếu vậy, đừng quên cởi giày ra. (d) Ngoài ra, hãy cố gắng đừng ngưỡng mộ bất cứ thứ gì có giá trị vì người chủ nhà Ả Rập của bạn sẽ cảm thấy rằng họ nên tặng nó cho bạn như một món quà. (c) Và nếu bạn đến thăm nhà một gia đình Ả Rập, hãy nhớ rằng uống ba tách cà phê là lịch sự.

Chọn C

34. B

Kiến thức: Sắp xếp trật tự đoạn văn

Giải thích:

*Nghĩa của các câu

a. Some citizens believed that perhaps there were evil spirits in the town causing the illness.

(Một số người dân tin rằng có lẽ có những linh hồn ma quỷ trong thị trấn gây ra bệnh tật.)

b. In return, Guan Yu drove out the evil spirits plaguing the town.

(Đổi lại, Guan Yu đã xua đuổi tà ma đang hoành hành trong thị trấn.)

c. Hence, the fireworks display, held every February, is an event to honor and thank Guan Yu.

(Vì vậy, màn bắn pháo hoa được tổ chức vào tháng 2 hàng năm là sự kiện nhằm tôn vinh và cảm ơn Guan Yu.)

d. According to legend, in the 17th century a terrible plague had been making the people of Yanshuei ill for years and no one could find a cure.

(Theo truyền thuyết, vào thế kỷ 17, một trận dịch hạch khủng khiếp đã khiến người dân Yanshuei bị bệnh trong nhiều năm và không ai có thể tìm ra cách chữa trị.)

e. People then decided to ask the war god, Guan Yu, for help, impressing him with a massive fireworks display.

(Sau đó, mọi người quyết định cầu xin thần chiến tranh Guan Yu giúp đỡ, gây ấn tượng với ông bằng màn bắn pháo hoa khổng lồ.)

Bài hoàn chỉnh

(d) According to legend, in the 17th century a terrible plague had been making the people of Yanshuei ill for years and no one could find a cure. (e) People then decided to ask the war god, Guan Yu, for help, impressing him with a massive fireworks display. (b) In return, Guan Yu drove out the evil spirits plaguing the town. (a) Some citizens believed that perhaps there were evil spirits in the town causing the illness. (c) Hence, the fireworks display, held every February, is an event to honor and thank Guan Yu.

Tam dich

(d) Theo truyền thuyết, vào thế kỷ 17, một trận dịch hạch khủng khiếp đã khiến người dân Yanshuei bị bệnh trong nhiều năm và không ai có thể tìm ra cách chữa trị. (e) Sau đó, mọi người quyết định cầu xin thần chiến tranh Guan Yu giúp đỡ, gây ấn tượng với ông bằng một màn bắn pháo hoa khổng lồ. (b) Đổi lại, Guan Yu đã

xua đuổi tà ma đang hoành hành trong thị trấn. (a) Một số người dân tin rằng có lẽ có những linh hồn ma quỷ trong thị trấn gây ra bệnh tật. (c) Vì vậy, màn bắn pháo hoa được tổ chức vào tháng 2 hàng năm là một sự kiện nhằm tôn vinh và cảm ơn Guan Yu.

Chọn B

35. A

Kiến thức: Sắp xếp trật tự đoạn văn

Giải thích:

*Nghĩa của các câu

a. Not only did Martin provide us with intriguing information of popular sights but he also took us to many hidden places that were worth a visit.

(Martin không chỉ cung cấp cho chúng tôi thông tin hấp dẫn về các điểm tham quan nổi tiếng mà anh ấy còn đưa chúng tôi đến nhiều địa điểm ẩn đàng để ghé thăm.)

b. He used to be a university lecturer, and now works as a local tour guide who will offer you an enjoyable time around the city.

(Anh ấy từng là giảng viên đại học và hiện đang làm hướng dẫn viên du lịch địa phương, người sẽ mang đến cho bạn khoảng thời gian thú vị quanh thành phố.)

c. We, a group of exchange students, had an amazing time last summer when booking a city break guided by him.

(Chúng tôi, một nhóm sinh viên trao đổi, đã có khoảng thời gian tuyệt vời vào mùa hè năm ngoái khi đăng ký kỳ nghỉ ở thành phố do anh ấy hướng dẫn.)

d. It is obvious that the best way to explore a city is with a friend who is courteous, humorous, and well-informed.

(Rõ ràng là cách tốt nhất để khám phá một thành phố là cùng với một người bạn lịch sự, hài hước và có nhiều thông tin.)

e. Failing that and if it is London you are visiting, then the next best thing may well be Martin Priestly.

(Nếu điều đó không thành công và nếu bạn đang đến thăm London, thì điều tốt nhất tiếp theo có thể là Martin Priestly.)

Bài hoàn chỉnh

(c) We, a group of exchange students, had an amazing time last summer when booking a city break guided by him. (b) He used to be a university lecturer, and now works as a local tour guide who will offer you an enjoyable time around the city. (e) Failing that and if it is London you are visiting, then the next best thing may well be Martin Priestly. (a) Not only did Martin provide us with intriguing information of popular sights but he also took us to many hidden places that were worth a visit. (d) It is obvious that the best way to explore a city is with a friend who is courteous, humorous, and well-informed.

Tam dịch

(c) Chúng tôi, một nhóm sinh viên trao đổi, đã có khoảng thời gian tuyệt vời vào mùa hè năm ngoái khi đang kỳ nghỉ ở thành phố do anh ấy hướng dẫn. (b) Anh ấy từng là giảng viên đại học và hiện đang làm hướng dẫn viên du lịch địa phương, người sẽ mang đến cho bạn khoảng thời gian thú vị quanh thành phố. (e) Nếu điều đó không thành công và nếu bạn đang đến thăm London, thì điều tốt nhất tiếp theo có thể là Martin Priestly. (a) Martin không chỉ cung cấp cho chúng tôi thông tin hấp dẫn về các điểm tham quan nổi tiếng mà anh ấy còn đưa chúng tôi đến nhiều địa điểm ấn đáng để ghé thăm. (d) Rõ ràng cách tốt nhất để khám phá một thành phố là cùng với một người bạn lịch sử, hài hước và có nhiều thông tin.

Chọn A

36. A

Kiến thức: Sắp xếp trật tự đoạn văn

Giải thích:

*Nghĩa của các câu

a. Despite booking a table in advance, we had to wait 45 minutes before being seated.

(Mặc dù đã đặt bàn trước nhưng chúng tôi phải đợi 45 phút mới có chỗ ngồi.)

b. Additionally, the food was cold and not up to the usual standard we had expected from your restaurant.

(Ngoài ra, thức ăn lạnh và không đạt tiêu chuẩn thông thường mà chúng tôi mong đợi từ nhà hàng của bạn.)

c. I hope you can address these issues to prevent future occurrences.

(Tôi hy vọng bạn có thể giải quyết những vấn đề này để ngăn chặn những sự cố xảy ra trong tương lai.)

d. I am writing to express my dissatisfaction with the service I received at your restaurant on May 25th.

(Tôi viết thư này để bày tỏ sự không hài lòng với dịch vụ tôi nhận được tại nhà hàng của bạn vào ngày 25 tháng 5.)

e. The overall experience was disappointing and far below expectations.

(Trải nghiệm tổng thể thật đáng thất vọng và thấp hơn nhiều so với mong đợi.)

Bài hoàn chỉnh

(d) I am writing to express my dissatisfaction with the service I received at your restaurant on May 25th. **(e)**

The overall experience was disappointing and far below expectations. **(b)** Additionally, the food was cold and not up to the usual standard we had expected from your restaurant. **(e)** Despite booking a table in advance, we had to wait 45 minutes before being seated. **(c)** I hope you can address these issues to prevent future occurrences.

Tạm dịch

(d) Tôi viết thư này để bày tỏ sự không hài lòng với dịch vụ tôi nhận được tại nhà hàng của bạn vào ngày 25 tháng 5. **(e)** Trải nghiệm tổng thể thật đáng thất vọng và thấp hơn nhiều so với mong đợi. **(b)** Ngoài ra, thức ăn nguội và không đạt tiêu chuẩn thông thường mà chúng tôi mong đợi từ nhà hàng của bạn. **(e)** Mặc dù đã đặt bàn trước nhưng chúng tôi phải đợi 45 phút mới có chỗ ngồi. **(c)** Tôi hy vọng bạn có thể giải quyết những vấn đề này để ngăn chặn những sự việc tương tự xảy ra trong tương lai.

Chọn A

37. A**Kiến thức:** Sắp xếp trật tự hội thoại**Giải thích:**

*Nghĩa của các câu

a. Kevin: That's interesting. Have you noticed any differences between the generations?

(Điều đó thật thú vị. Bạn có nhận thấy sự khác biệt nào giữa các thế hệ không?)

b. Kevin: Ly, do you live with your extended family?

(Ly, bạn có sống với đại gia đình của mình không?)

c. Ly: Yes, I do. I live with my grandparents, my parents, and my younger sister.

*(Vâng. Tôi sống với ông bà, bố mẹ và em gái tôi.)***Bài hoàn chỉnh**

(b) Kevin: Ly, do you live with your extended family?

(c) Ly: Yes, I do. I live with my grandparents, my parents, and my younger sister.

(a) Kevin: That's interesting. Have you noticed any differences between the generations?

Tam dịch*(b) Kevin: Ly, bạn có sống với đại gia đình của mình không?**(c) Ly: Vâng. Tôi sống với ông bà, bố mẹ và em gái tôi.**(a) Kevin: Điều đó thật thú vị. Bạn có nhận thấy sự khác biệt nào giữa các thế hệ không?*

Chọn A

38. B**Kiến thức:** Sắp xếp trật tự hội thoại**Giải thích:**

*Nghĩa của các câu

a. Mark: Mai, which human activity is the main cause of global warming?

(Mai, hoạt động nào của con người là nguyên nhân chính gây ra hiện tượng nóng lên toàn cầu?)

b. Mark: Why do you think so?

(Tại sao bạn nghĩ vậy?)

c. Mai: I think it's cutting down or burning forests.

*(Tôi nghĩ đó là chặt phá hoặc đốt rừng.)***Bài hoàn chỉnh**

(a) Mark: Mai, which human activity is the main cause of global warming?

(c) Mai: I think it's cutting down or burning forests.

(b) Mark: Why do you think so?

Tam dịch*(a) Mark: Mai, hoạt động nào của con người là nguyên nhân chính gây ra hiện tượng nóng lên toàn cầu?**(c) Mai: Tôi nghĩ đó là chặt phá hoặc đốt rừng.*

(b) Mark: Tại sao bạn nghĩ như vậy?

Chọn B

39. D

Kiến thức: Sắp xếp trật tự hội thoại

Giải thích:

*Nghĩa của các câu

a. Andy: Thank you. Could you tell me if I can get a second card?

(Cảm ơn bạn. Bạn có thể cho tôi biết liệu tôi có thể nhận được thẻ thứ hai không?)

b. Anna: Sure. Just swipe your card slowly.

(Chắc chắn rồi. Chỉ cần quẹt thẻ từ từ.)

c. Andy: Could you tell me how to use the thing to open the door?

(Bạn có thể cho tôi biết cách sử dụng thứ đó để mở cửa không?)

d. Anna: Yes, but a second card costs extra.

(Có, nhưng thẻ thứ hai sẽ có giá cao hơn.)

Bài hoàn chỉnh

(c) Andy: Could you tell me how to use the thing to open the door?

(b) Anna: Sure. Just swipe your card slowly.

(a) Andy: Thank you. Could you tell me if I can get a second card?

(d) Anna: Yes, but a second card costs extra.

Tam dịch

(c) Andy: Bạn có thể cho tôi biết cách sử dụng thứ đó để mở cửa không?

(b) Anna: Chắc chắn rồi. Chỉ cần quẹt thẻ từ từ.

(a) Andy: Cảm ơn bạn. Bạn có thể cho tôi biết liệu tôi có thể nhận được thẻ thứ hai không?

(d) Anna: Có, nhưng thẻ thứ hai sẽ có giá cao hơn.

Chọn D

40. C

Kiến thức: Sắp xếp trật tự hội thoại

Giải thích:

*Nghĩa của các câu

c. Cindy: Do you mind if I ask you some questions about Vietnam?

a. Cindy: Cool. What's the national costume?

(Cindy: Tuyệt vời. Trang phục dân tộc là gì?)

b. Phong: It's Hanoi. It's a stunning city.

(Phong: Đó là Hà Nội. Đó là một thành phố tuyệt đẹp.)

(Cindy: Bạn có phiền nếu tôi hỏi bạn một số câu hỏi về Việt Nam không?)

d. Phong: Sure!

(Phong: Chắc chắn rồi!)

e. Cindy: Thanks. What's the capital city of Vietnam?

(Cindy: Cảm ơn. Thủ đô của Việt Nam là gì?)

Bài hoàn chỉnh

(c) Cindy: Do you mind if I ask you some questions about Vietnam?

(d) Phong: Sure!

(e) Cindy: Thanks. What's the capital city of Vietnam?

(b) Phong: It's Hanoi. It's a stunning city.

(a) Cindy: Cool. What's the national costume?

Tam dịch

(c) Cindy: Bạn có phiền nếu tôi hỏi bạn một số câu hỏi về Việt Nam không?

(d) Phong: Chắc chắn rồi!

(e) Cindy: Cảm ơn. Thủ đô của Việt Nam là gì?

(b) Phong: Đó là Hà Nội. Đó là một thành phố tuyệt đẹp.

(a) Cindy: Tuyệt vời. Trang phục dân tộc là gì?

Chọn C